

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày 08-8-2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Vũ Văn Thôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 479/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 592/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01A/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 48/2025/TB-TA ngày 23 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, địa chỉ: Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị H là ông Lã Viết N và ông Lê Ngọc T - Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhân Ái, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng (Hợp đồng uỷ quyền ngày 15 tháng 11 năm 2024). Ông Lã Viết N vắng mặt, ông Lê Ngọc T có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn T, địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng, vắng

mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị N, địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Bùi Thị H, địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Bùi Thị H, địa chỉ: Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

4. Bà Bùi Thị N, địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

5. Ông Nguyễn Đức K, địa chỉ: Thôn K, xã A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện của bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Đức K là ông Lã Viết N, ông Lê Ngọc T - Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhân Ái, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, (Hợp đồng uỷ quyền ngày 16 tháng 12 năm 2024). Ông Lã Viết N vắng mặt, ông Lê Ngọc T có mặt tại phiên tòa.

6. Ông Bùi Bình M, địa chỉ: Số 4/32 phố Hoàng Quý, phường An Biên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

7. Ông Bùi Văn H, địa chỉ: số 84/3 HT 35 khu phố 1 phường P, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt tại phiên tòa.

8. Bà Ninh Thị T, địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa

9. Anh Bùi Ngọc T, địa chỉ: Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng. vắng mặt tại phiên tòa

10 Anh Bùi Văn T, địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng. vắng mặt tại phiên tòa.

11 Anh Bùi Minh T, địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Ngọc T, anh Bùi Văn T, anh Bùi Minh T là bà Ninh Thị T, địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng. Văn bản uỷ quyền ngày 04 tháng 12 năm 2024 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A (xã Tân Viên, huyện Acũ), thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

12. Anh Bùi Văn H và vợ là chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Văn H, chị Nguyễn Thị H là ông Bùi Văn T, địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng. Văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 12 năm 2024 và ngày 16 tháng 01 năm 2025 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A (xã Tân Viên, huyện Acũ), thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2024, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Bố mẹ đẻ của bà Bùi Thị H là cụ Bùi Văn T và cụ Ngô Thị N. Hai cụ sinh được 10 người con chung là:

1. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1944;
2. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1946;
3. Ông Bùi Bình M, sinh năm 1950;
4. Ông Bùi Văn Đức, sinh năm 1952 chết năm 2019 có vợ là bà Ninh Thị T và 03 con là anh Bùi Văn T, anh Bùi Văn T và anh Bùi Minh T;
5. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1955;
6. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1959 chết năm 2017 có chồng là ông Nguyễn Đức K, không có con.
7. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1962;
8. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1965;
9. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1968;
10. Bà Bùi Thị N, sinh năm 197;

Ngoài ra hai cụ không có bất kỳ người con đẻ, con nuôi, con chung, con riêng nào khác.

Cụ Bùi Văn T chết năm 2009, cụ Ngô Thị N chết năm 2013 đều không để lại di chúc.

Cụ Bùi Văn T và cụ Ngô Thị N có sử dụng diện tích 937m² đất tại thửa số 19 tờ bản đồ số 243 - B - 2 Thôn D, xã A (xã Tân Viên, huyện Acũ), thành phố Hải Phòng. Trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 30m² hiện đang sử dụng làm nhà thờ. Sau khi cụ T chết đến năm 2012 Ủy ban nhân dân huyện Acũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 141330 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00362/AL ngày 07 tháng 9 năm 2012 mang tên cụ Ngô Thị N. Năm 2013 cụ N

chết. Ông T cho con trai là anh Bùi Văn H và vợ là Nguyễn Thị H xây dựng căn nhà 02 tầng diện tích khoảng 80m², công trình phụ trên diện tích đất của các cụ để lại.

Nay bà H đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ T và cụ N để lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là diện tích đất 937m², diện tích tính toán thực tế là 954,2m² và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa số 19, tờ bản đồ 243 - B - 2, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện A(nay là xã A, thành phố Hải Phòng) bà H đề nghị được sử dụng đất và để lại cho bà H sử dụng.

Phía bị đơn là ông Bùi Văn T trình bày: Ông T thống nhất với phần trình bày của bà H về việc bố mẹ đẻ ông là cụ T và cụ N, hai cụ có 10 người con như bà H trình bày. Ngoài ra hai cụ không có bất kỳ người con đẻ, con nuôi, con chung, con riêng nào khác. Cụ T chết năm 2009 không để lại di chúc, ông T cùng vợ và các con sống cùng cụ N, đến năm 2012 Ủy ban nhân dân huyện Acấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 937m² đất tại thửa số 19, tờ bản đồ 243 - B - 2, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện An Lão, (nay là xã A), thành phố Hải Phòng số BK 141330, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00362/AL ngày 07 tháng 9 năm 2012 mang tên cụ Ngô Thị N. Năm 2013 cụ N chết để lại bản di chúc lập ngày 10 tháng 3 năm 2012 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Viên, huyện A(nay là xã A) thành phố Hải Phòng. Nội dung bản di chúc là chia cho ông T, ông M, ông Đ, ông H mỗi người 88m², còn lại 240m² để lại xây dựng nhà thờ làm nơi thờ cúng gia tiên. Ông T không quản lý toàn bộ diện tích của các cụ để lại. Phần diện tích 88m² đất cụ N cho ông T đã cho con trai là anh Bùi Văn H và vợ là chị Nguyễn Thị H xây dựng căn nhà 02 tầng cùng công trình phụ khép kín. Nay bà H có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T và cụ N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến:

+ Bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị H và bà Bùi Thị N ủy quyền cho ông Lê Viết N và ông Lê Ngọc T, Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhân Ái trình bày: Thống nhất với bà Bùi Thị H, ông Bùi Văn T về việc bố mẹ đẻ là cụ T và cụ N, hai cụ có 10 người con như bà H, ông T trình bày. Ngoài ra hai cụ không có bất kỳ người con đẻ, con nuôi, con chung, con riêng nào khác. Cụ T chết năm 2009, cụ N chết năm 2013 đều không để lại di chúc. Khi còn sống các cụ có sử dụng diện tích 937m² đất tại Thôn D, xã T, huyện A(nay là xã A), thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Acấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ N. Sau khi cụ T và cụ N chết thì ông T không sinh sống trên đất của bố mẹ mà cho con trai là anh Bùi Văn H và vợ là chị Nguyễn Thị H xây dựng căn nhà 2 tầng và công trình phụ trên diện tích khoảng 80m² đất của các cụ để lại. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà N, bà H, bà H, bà N đề

ngợi Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà N, bà H, bà H, bà N thỏa thuận để lại phần di sản được hưởng cho bà H sử dụng.

+ Bà Ninh Thị T, anh Bùi Văn T, anh Bùi Văn T và anh Bùi Minh T trình bày ý kiến: Bà Ninh Thị T và ông Bùi Văn Đức (con trai của cụ T và cụ N) là vợ chồng có 03 con là anh Bùi Văn T, anh Bùi Văn T và anh Bùi Minh T. Thống nhất với lời trình bày của bà H và ông T về bố mẹ đẻ của ông Đ là cụ T và cụ N, các cụ có 10 người con. Cụ T chết năm 2009 không để lại di chúc, năm 2013 cụ N chết có để lại di chúc lập ngày 10 tháng 03 năm 2012 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Viên, huyện A(nay là xã A) thành phố Hải Phòng. Ông T là người đi xin xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Viên vì lúc đó cụ N già yếu, mắt kém không đi ra khỏi nhà được. Nay bà H có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T và cụ N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Ông Bùi Bình M trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà H, ông T về bố mẹ đẻ ông M là cụ T và cụ N sinh được 10 người con như bà H, ông T trình bày, ngoài ra không có người con đẻ, người con riêng, con chung, con nuôi nào khác. Tài sản của cụ T, cụ N để lại là diện tích 937m² đất và căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất hiện làm nơi thờ cúng tại thửa đất số 19 tờ bản đồ 243 - B - 2 tại Thôn D, xã T, huyện A(nay là xã A), thành phố Hải Phòng. Cụ T chết năm 2009 không để lại di chúc. Cụ N chết năm 2013 có để lại di chúc lập ngày 10 tháng 03 năm 2012 để lại cho các con trai mỗi người 88m² đất và để lại 240m² đất để làm nơi thờ cúng. Phần của ông T cho con trai là anh Bùi Văn H và vợ là Nguyễn Thị H xây dựng căn nhà 02 tầng và công trình phụ riêng biệt. Nay bà H có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T và cụ N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Ông Bùi Văn H: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án trình bày ý kiến nhưng ông Bùi Văn H không đến Tòa án nên không có lời khai.

+ Ông Bùi Văn T là người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Văn H và vợ là chị Nguyễn Thị H trình bày ý kiến: Thống nhất với ý kiến của ông T. Cụ T và cụ N để lại diện tích 937m² đất tại thửa số 19 tờ bản đồ số 243-B-2 tại Thôn D, xã T, huyện A(nay là xã A) thành phố Hải Phòng. Cụ T chết năm 2009 không để lại di chúc, năm 2013 cụ N chết có để lại di chúc cho mỗi người con trai của hai cụ mỗi người 88m² đất còn lại 240m² đất để lại làm nơi thờ cúng. Ông T cho lại anh H và vợ là chị H xây dựng căn nhà 02 tầng cùng công trình phụ khép kín trên diện tích khoảng 80m² đất của các cụ. Nay bà H có đơn yêu cầu chia di sản của cụ T và cụ N đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

+ Ông Nguyễn Đức K trình bày: Ông K là chồng bà Bùi Thị L là con của cụ T và cụ N. Ông K thống nhất với bà H, ông T về bố mẹ đẻ của các ông, các bà là cụ T và cụ N và các cụ có 10 người con như bà H, ông T trình bày. Bà Bùi Thị L chết năm 2017, bà Lê và ông K không có con chung, con riêng nào. Nay bà H có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T và cụ N, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, phần di sản mà bà Lê được hưởng, ông K đồng ý để lại cho bà H sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tại phiên tòa có quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Các đương sự về cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông H, ông M không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung khởi kiện: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn T và cụ Ngô Thị N để lại là diện tích 937m² đất và căn nhà cấp 4 trên đất tại thửa số 19 tờ bản đồ số 243-B-2 Thôn D, xã A (xã Tân Viên, huyện Acũ), thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Acấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 141330 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00362/AL ngày 07 tháng 9 năm 2012 mang tên cụ Ngô Thị N.

Giao cho bà H quản lý và sử dụng 562,2m² đất và căn nhà cấp 4 trên đất;

Giao cho bà T và 03 con là anh T, anh T1, anh T được quản lý và sử dụng 93,7m² đất;

Giao ông T, ông M, ông H mỗi người được quản lý và sử dụng 93,7m² đất;

Bà H phải thanh toán cho ông T, ông M, ông H, ông Đ (do bà T và các con: anh T, anh T1, anh T được hưởng) mỗi người số tiền là 3.839.000đ (ba triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng)

Về án phí các đương sự phải nộp án phí dân sự theo quy định của Pháp luật.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là bà H có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn T và cụ Ngô Thị N. Bị đơn là ông T có địa chỉ tại: Thôn D, xã A (xã T, huyện A cũ), thành phố Hải Phòng. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 479/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 592/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01A/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 48/2025/TB-TA ngày 23 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025 cho các đương sự trong vụ án. Bị đơn ông Bùi Văn T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Bình M, ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn H và vợ là chị Nguyễn Thị H đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là ông Bùi Văn T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Bình M, ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn H và vợ là chị Nguyễn Thị H.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Bùi Văn T và cụ Ngô Thị N là bố mẹ đẻ của bà H. Cụ T chết năm 2009 và cụ N chết năm 2013. Đến ngày 10 tháng 10 năm 2024 bà H có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ T và cụ N. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản....kể từ thời điểm mở thừa kế...*". Như vậy bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T và cụ N là còn thời hiệu.

[4] Về hàng thừa kế: Những người được hưởng thừa kế của cụ T và cụ N: Cụ T và cụ N chung sống với nhau có 10 người con là ông T, bà N, ông M, ông Đ, ông H, bà Lê, bà H, bà H, bà H và bà N. Ngoài ra hai cụ không có người con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Bà Lê chết năm 2017 có chồng là ông K nhưng không có con chung. Ông Đ chết năm 2019 có vợ là bà T và có 03 con là anh Thủy, anh T1 và anh T. Căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự quy định tài sản thừa kế của cụ T và cụ N được chia cho ông T, bà N, ông M, ông Đ, ông H, bà Lê, bà H, bà H, bà H và bà N.

Bà Lê chết thì ông K là chồng bà Lê được nhận. Ông Đ chết thì bà T cùng các con là anh Thủy, anh T1 và anh T được nhận.

[5] Về di sản thừa kế của cụ T và cụ N:

[5.1] Theo tài liệu xác minh: Tại tờ bản đồ 01 và sổ mục kê lập năm 1985 Thôn D, xã T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng thể hiện cụ Bùi Văn T sử dụng thửa đất số 174 diện tích 964m², loại đất: Thổ cư. Tại tờ bản đồ 243-B-II và sổ mục kê lập năm 2000 Thôn D, xã T thể hiện cụ Bùi Văn T sử dụng diện tích 948m² đất thổ cư tại thửa đất số 19. Năm 2009 cụ Bùi Văn T chết. Đến ngày 04 tháng 9 năm 2012 cụ Ngô Thị N đã được Ủy ban nhân dân huyện Acáp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 243-B-2 Thôn D, xã T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng diện tích là 937m². Nguyên đơn là bà H có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T và cụ N là diện tích 937m² đất và toàn bộ tài sản trên đất. Các bên đương sự đều xác nhận di sản thừa kế của cụ T và cụ N để lại là 937m² đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Acáp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ N. Ngày 20 tháng 12 năm 2024 Tòa án tiến hành thẩm định và định giá tài sản diện tích đất thực tế theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện Acáp cho cụ N có sự tính toán sai theo các số đo các cạnh thì diện tích là 954,2m² và toàn bộ tài sản của các cụ để lại là căn nhà cấp 4 trị giá là 38.390.713đ.

[5.2] Trên đất của cụ T và cụ N còn có căn nhà do anh Bùi Văn H (con ông Bùi Văn T) và vợ là chị Nguyễn Thị H xây dựng trị giá 862.308.949đ.

[6] Cụ T chết năm 2009 các bên đương sự đều xác nhận cụ T không để lại di chúc. Cụ N chết năm 2013 bà H, bà N, bà H, bà H, bà N, ông K đều xác nhận cụ N không để lại di chúc. Ông T, ông M, bà T vợ ông Đ, ông H đều trình bày cụ N có để lại di chúc, bản di chúc có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo đó cụ N phân chia cho con trai mỗi người 88m², để lại 240m² đất để lại làm nơi thờ cúng.

[6.1] Ông T giao nộp bản di chúc của cụ Ngô Thị N lập ngày 10 tháng 3 năm 2012 là bản đánh máy vi tính có chữ ký, điểm chỉ của cụ Ngô Thị N và có xác nhận của ông Ninh Văn Khánh, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, Về nội dung bản di chúc: "*Nay tôi tuổi đã cao sức khỏe yếu. Vợ chồng tôi có thửa đất thổ cư tại thôn Du Viên thửa đất số 19 tờ bản đồ số 243-B2 diện tích 948m² (đất chưa có GCNQSD đất) theo sổ mục kê địa chính xã Tân Viên. Ý nguyện của tôi là sau khi tôi chết đi các con tôi không có sự tranh chấp mất đoàn kết. Tôi để lại 240m² để sau này xây nhà thờ gia tiên để các con cháu đi về thờ cúng. Phía giáp đường làng tôi chia cho 04 người con trai mỗi*

người là 88m².". Bản di chúc có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Viên như sau: "Hôm nay ngày 10 tháng 3 năm 2012 Tại UBND xã Tân Viên. Tôi Ninh Văn Khánh, phó chủ tịch UBND xã Tân Viên chứng thực bà Ngô Thị N đã lập bản di chúc này theo sự nhận biết của tôi tại thời điểm chứng thực người lập di chúc có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật. Nội dung bản di chúc phù hợp pháp luật, đạo đức xã hội. Người lập di chúc đã được nghe đọc di chúc này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong bản di chúc và đã đồng ý ký, điểm chỉ vào di chúc trước sự có mặt của tôi". Xét toàn bộ diện tích 954,2m² đất và tài sản trên đất tại thửa số 19 tờ bản đồ số 243-B2 Thôn D, xã T là của cụ T và cụ N. Cụ T chết năm 2009 đến ngày 10 tháng 3 năm 2012 cụ N lập di chúc định đoạt cả phần di sản của cụ T là không đúng theo quy định của pháp luật. Về thủ tục lập di chúc của cụ N theo ông T trình bày: Ông T, ông Đ, ông M và ông H họp bàn thống nhất và bà T vợ ông Đ soạn thảo di chúc sau đó đưa cụ N ký và điểm chỉ. Ông Đ cầm đến Ủy ban nhân dân xã Tân Viên xin xác nhận. Ông T, bà T vợ ông Đ đều xác nhận cụ N là người để lại di chúc lúc đó già yếu không trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã Tân Viên. Như vậy căn cứ Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005 cũng như Điều 636 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định bản di chúc của cụ N để lại là không hợp pháp.

[6.2] Như vậy toàn bộ di sản của cụ T và cụ N bao gồm diện tích 954.2m² đất trị giá 3.500.000đ/m² = 3.339.700.000đ (ba tỷ ba trăm ba mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng) và tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 trị giá là 38.390.713đ (ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi nghìn bảy trăm mười ba đồng) tại thửa số 19 tờ bản đồ số 243-B-2 Thôn D, xã T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Acấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 141330 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH19362/AL ngày 07 tháng 9 năm 2012 được chia theo quy định của pháp luật.

[6.3] Sau khi cụ T và cụ N chết, ông T ở tại diện tích đất khác không quản lý sử dụng đất mà để cho con trai là anh Bùi Văn H và vợ là chị Nguyễn Thị H xây nhà 2 tầng trên một phần đất của cụ T, cụ N để lại. Còn lại phần diện tích đất, trên đất có căn nhà cấp 4 của các cụ để lại không ai quản lý, sử dụng nên không tính công sức quản lý, tôn tạo di sản cho ông T .

[7] Qua xem xét thực tế di sản của cụ T và cụ N được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông T, bà N, ông Đ (chết năm 2019), ông H, bà Lê (chết năm 2017), bà H, bà H, bà H, bà N. Ông Đ chết năm 2019 có vợ là bà T và các con là anh Thủy, anh T1, anh T. Bà Lê chết năm 2017 có chồng là ông K không có con. Cụ thể: 954.2m² : 10 người mỗi người được hưởng là 95,42m² đất trị giá 3.500.000đ/m² thành tiền là 333.970.000đ (Ba trăm ba mươi ba triệu chín trăm bảy

mười nghìn đồng). Và căn nhà cấp 4 trị giá 38.390.713đ : 10 người mỗi người được hưởng 3.839.000đ (làm tròn). Như vậy mỗi suất thừa kế được hưởng trị giá là **(333.970.000đ + 3.839.000đ) = 337.809.000đ** (ba trăm ba mươi bảy triệu tám trăm linh chín nghìn đồng)

[7.1] Bà H, bà N, bà H, bà H, bà N và ông K (là chồng bà Lê đã chết năm 2017) thỏa thuận phân di sản được hưởng để lại cho bà H sử dụng. Cụ thể: $95,42\text{m}^2 \times 6 \text{ người} = 572,52\text{m}^2$ đất. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay Bà H, bà N, bà H, bà H, bà N và ông K có đề nghị được nhận phần đất là $542,1\text{m}^2$ (theo sơ đồ) và có căn nhà ở cấp 4 trị giá 38.390.713đ (ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi nghìn bảy trăm mười ba đồng) của các cụ để lại. Bà H, bà N, bà H, bà H, bà N và ông K đề nghị không phải trả tiền chênh lệch cho ông T, ông M, ông H, bà T và anh Thủy, anh T1, anh T. Như vậy bà H, bà N, bà H, bà H, bà N và ông K được sử dụng là $542,1\text{m}^2$ và căn nhà cấp 4 của các cụ để lại trị giá 38.390.713đ. Cụ thể mỗi người được hưởng phần di sản là $542,1\text{m}^2$ đất : 6 = $90,35\text{m}^2$, trị giá là $(90,35\text{m}^2 \times 3.500.000\text{đ}/\text{m}^2) = 316.225.000\text{đ}$ và trị giá căn nhà cấp 4 của các cụ là $(38.390.713\text{đ} : 6) = 6.398.452\text{đ}$ làm tròn. Việc thỏa thuận của bà H, bà N, bà H, bà H, bà N và ông K là có lợi cho ông T, ông M, ông H, bà T, anh Thủy, anh T1, anh T và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[7.2] Phần đất còn lại được chia cho ông T; ông M; ông H; bà T cùng anh Thủy, anh T1, anh T (là vợ và con của ông Bùi Văn Đức chết năm 2019) mỗi người được hưởng là 103m^2 đất trị giá $(103\text{m}^2 \times 3.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 360.500.000\text{đ})$ giáp với đường đi của thôn Du Viên là phù hợp pháp luật.

[7.3] Phần di sản của ông T được nhận trên đất có căn nhà 02 tầng và toàn bộ công trình phụ trị giá là 862.308.949đ (Tám trăm sáu mươi hai triệu ba trăm lẻ tám nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng) do anh H (con trai ông Bùi Văn T) và vợ là chị H xây dựng. Ông T phải có trách nhiệm thanh toán giá trị công trình trên đất cho anh H và vợ là chị H số tiền trên.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp: Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Bà H nhận nộp toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn là bà H sinh năm 1962, bị đơn là ông T sinh năm 1944; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà N sinh năm 1946, ông M sinh năm 1950, ông H sinh năm 1952, bà H, sinh năm 1965, ông K sinh năm 1957, bà T sinh năm 1957 đều trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí. Bà H, bà N mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên phần di sản được hưởng

là $(316.225.000đ + 6.398.452đ) \times 5\% = 16.131.000đ$ làm tròn (mười sáu triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng). Bà N thỏa thuận phần di sản được hưởng để lại cho bà H sử dụng nên bà H phải nộp án phí dân sự thay cho bà N. Anh Thủy, anh T1, anh T, bà T phải chịu $(360.500.000đ \times 5\%) = 18.025.000đ$ (mười tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng), tuy nhiên bà T được miễn án phí nên anh Thủy, anh T1 và anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là $(18.025.000đ : 4) \times 3 = 13.518.000đ$ làm tròn (mười ba triệu năm trăm mười tám nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 651; Điều 660 Bộ luật Dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn T và cụ Ngô Thị N để lại là diện tích 954,2m² đất và căn nhà trên đất tại thửa số 19 tờ bản đồ số 243-B-2 Thôn D, xã A (xã Tân Viên, huyện Acũ), thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Acũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 141330 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00362/AL ngày 07 tháng 9 năm 2012 mang tên cụ Ngô Thị N.

Ông Bùi Văn T được hưởng phần thừa kế là 103m² đất và toàn bộ tài sản trên đất là căn nhà xây 02 tầng và toàn bộ công trình trên đất do anh Bùi Văn H và vợ là chị Nguyễn Thị H xây dựng trị giá là 862.308.949đ (Tám trăm sáu mươi hai triệu ba trăm lẻ tám nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng) tại thửa số 19 tờ bản đồ số 243-B-2 Thôn D, xã A (xã Tân Viên, huyện Acũ), thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Acũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 141330 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00362/AL ngày 07 tháng 9 năm 2012 có mốc giới 7, 8, 9, 14, 7.

Bà Ninh Thị T, anh Bùi Văn T, anh Bùi Văn T, anh Bùi Minh T được

hưởng phần thừa kế là 103,1m² đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa số 19 tờ bản đồ số 243-B-2 Thôn D, xã A, (xã T, huyện A cũ), thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 141330 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00362/AL ngày 07 tháng 9 năm 2012 có mốc giới 9, 10, 13, 14, 9.

Ông Bùi Bình M được hưởng phần thừa kế là 103,1m² đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa số 19 tờ bản đồ số 243-B-2 Thôn D, xã A (xã Tân Viên, huyện Acũ), thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Acũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 141330 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00362/AL ngày 07 tháng 9 năm 2012 có mốc giới 10, 11, 12, 13, 10.

Ông Bùi Văn H được hưởng phần thừa kế là 103m² đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa số 19 tờ bản đồ số 243-B-2 Thôn D, xã A, (xã Tân Viên, huyện Acũ), thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Acũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 141330 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00362/AL ngày 07 tháng 9 năm 2012 có mốc giới 1, 2, 12, 11, 1.

Bà Bùi Thị H được hưởng phần thừa kế là 542,1m² đất và toàn bộ tài sản trên đất bao gồm: căn nhà cấp 4 trị giá 38.390.713đ (ba mươi tám triệu, ba trăm chín mươi nghìn bảy trăm mười ba đồng) và toàn bộ cây cối trên đất tại thửa số 19 tờ bản đồ số 243-B-2 Thôn D, xã A (xã Tân Viên, huyện Acũ), thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện Acũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 141330 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00362/AL ngày 07 tháng 9 năm 2012 có mốc giới 2, 3, 4, 5, 6, 7, 14, 13, 12, 2.

(Có sơ đồ kèm theo)

Các bên đương sự có quyền đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án.

Ông Bùi Văn T có trách nhiệm trả cho anh Bùi Văn H và vợ là chị Nguyễn Thị H số tiền 862.308.949đ (Tám trăm sáu mươi hai triệu ba trăm lẻ tám nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án

4- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Bùi Thị H nhận nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là

6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Bà Bùi Thị H đã nộp đủ số tiền trên.

5- Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị H, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Đức K, ông Bùi Bình M, ông Bùi Văn H, bà Ninh Thị T.

Bà Bùi Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 32.292.000đ (ba mươi hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)

Anh Bùi Văn T, anh Bùi Văn T và anh Bùi Minh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 13.518.000đ làm tròn (mười ba triệu năm trăm mười tám nghìn đồng).

6- Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thắng – Vũ Văn Thôn

Nguyễn Văn Hải

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải - Đặng Huy Du

Nguyễn Văn Hải

